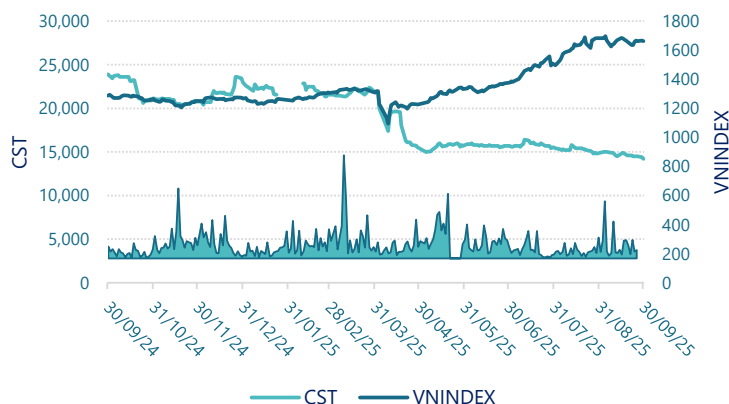


CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,665
% sở hữu nước ngoài	4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	608
P/E	20.2
EPS	702

DT thuần

Q3/25

1,987

tỷ VNĐ

QoQ: ▼333 | -14.3%

YoY: ▲205 | 11.5%

LN sau thuế

Q3/25

-4.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.5 | -131%

YoY: ▲37.9 | 88.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.1%

+/- YoY: ▲2.8%

DT thuần

9T 2025

6,668

tỷ VNĐ

YoY: ▼697 | -9.5%

LN sau thuế

9T 2025

23.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼110 | -82.4%

ROE

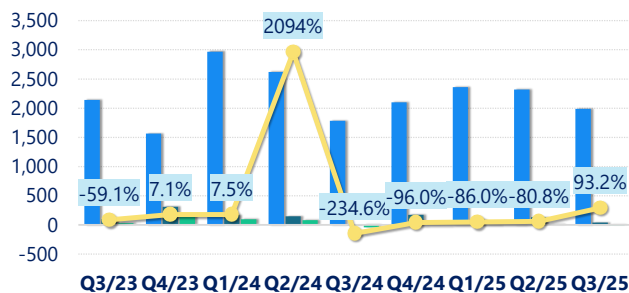
Q3/25

2.9%

+/- YoY: ▼28.4%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

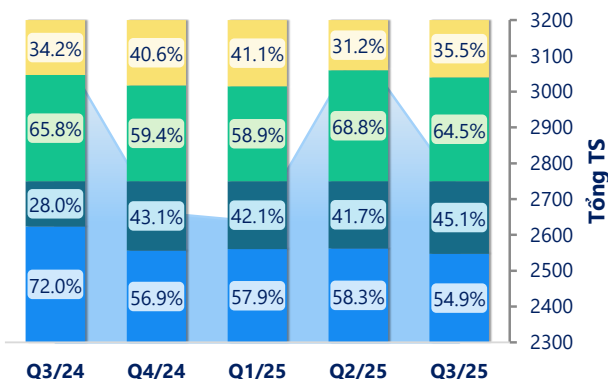


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

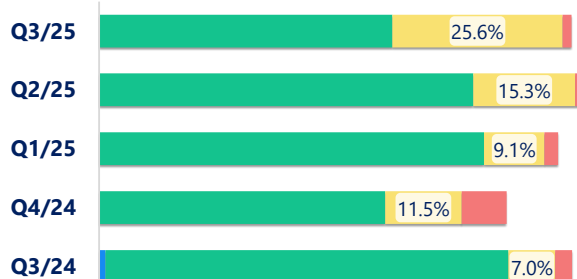
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

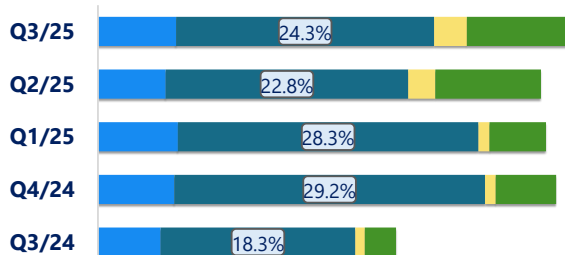
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

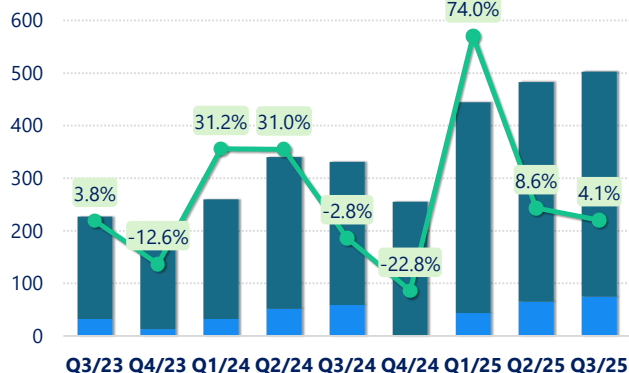


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

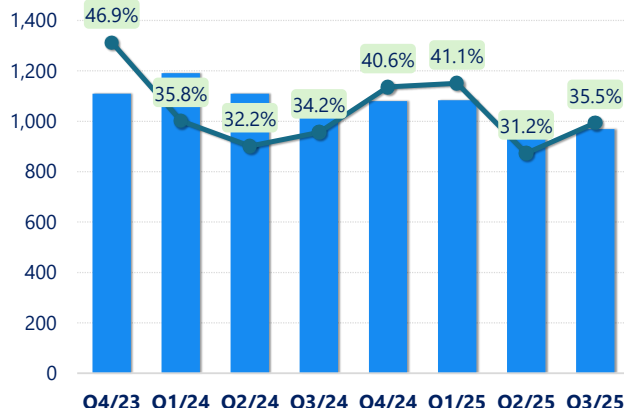


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

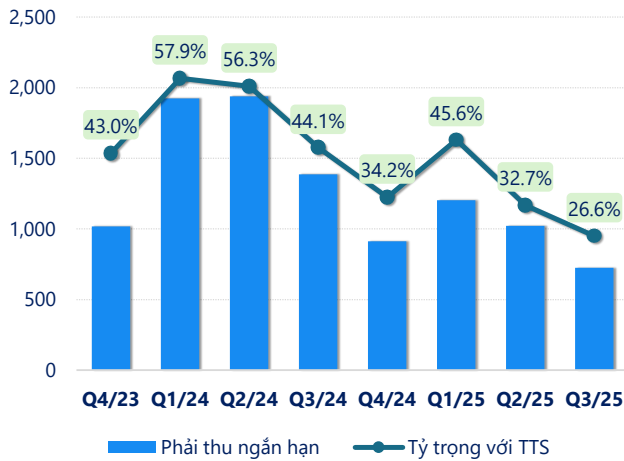
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

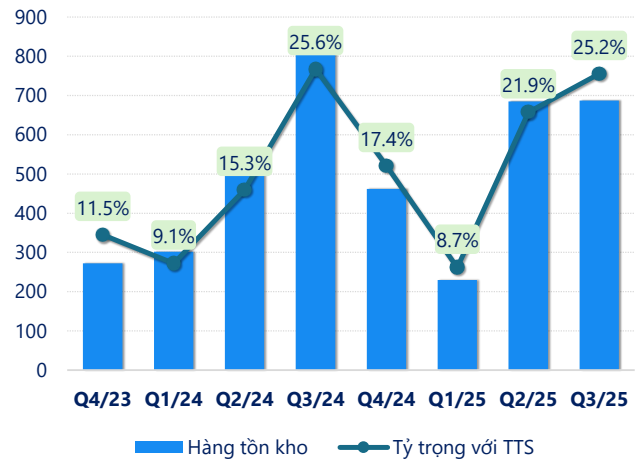
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


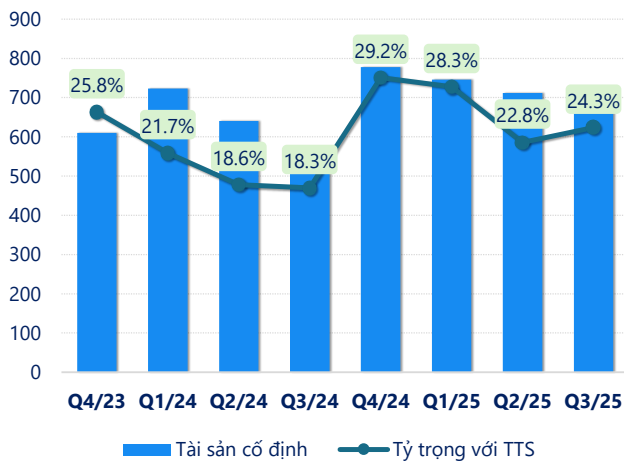
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


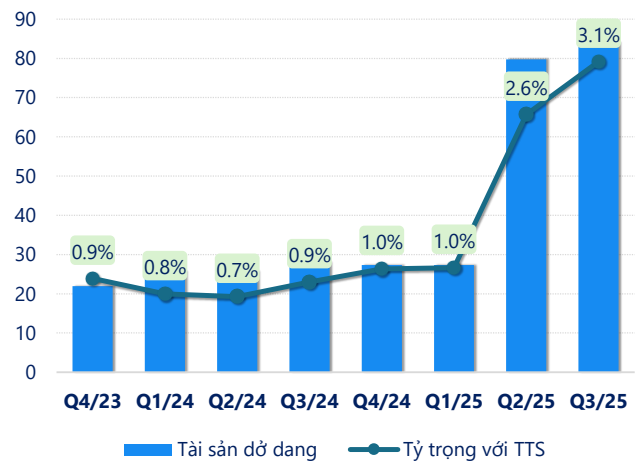
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

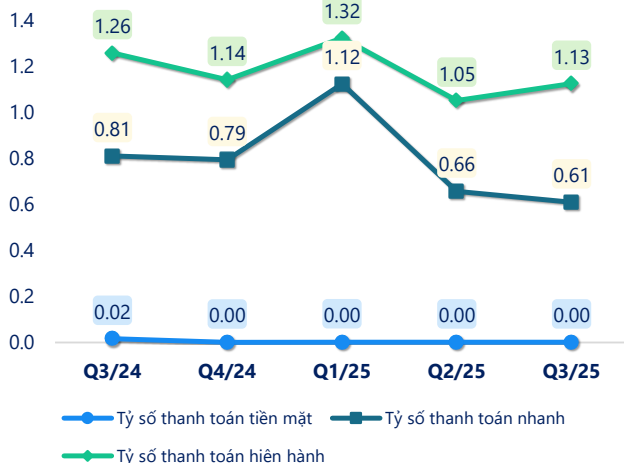
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

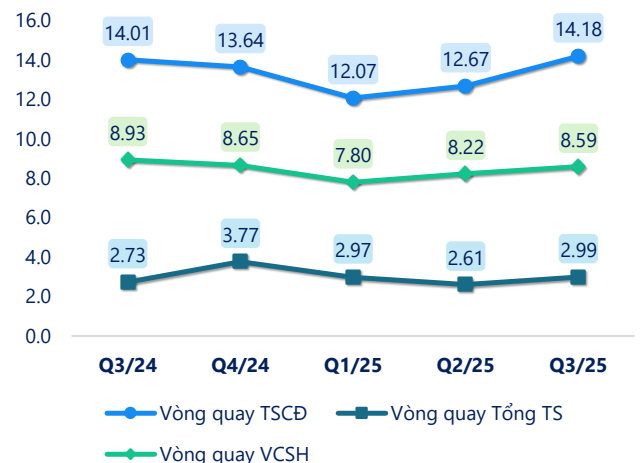
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,144	2,663	2,637	3,124	2,729
Tài sản ngắn hạn	2,263	1,516	1,526	1,823	1,499
Tiền và tương đương tiền	29.8	0.80	1.92	1.50	1.25
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,386	912	1,203	1,021	726
Hàng tồn kho	804	462	230	685	687
Tài sản ngắn hạn khác	42.3	141	90.7	116	85.3
Tài sản dài hạn	881	1,147	1,111	1,301	1,230
Phải thu dài hạn	186	191	198	199	201
Tài sản cố định	575	778	746	712	662
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	28.1	27.3	27.3	79.8	84.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	92.5	151	140	310	283
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,070	1,582	1,553	2,150	1,760
Nợ ngắn hạn	1,798	1,327	1,152	1,732	1,332
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.7	0	43.7	65.3	74.6
Phải trả người bán ngắn hạn	458	899	479	764	450
Nợ dài hạn	272	255	401	418	428
Vay và nợ thuê dài hạn	272	255	401	418	428
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,074	1,080	1,083	974	969
Vốn chủ sở hữu	1,074	1,080	1,083	974	969
Vốn điều lệ	428	428	428	428	428
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)